

MÃ ĐỀ 111

(Đề thi có 04 trang)

PHẦN A. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu 1. Năng lượng hóa học có trong các hợp chất hữu cơ được chuyển đổi thành năng lượng ATP để cung cấp cho tất cả các hoạt động sống của tế bào và cơ thể. Quá trình này là

- A. Hô hấp tế bào. B. Trao đổi khí với mao mạch.
C. Hô hấp ở phổi. D. Trao đổi khí với môi trường.

Câu 2. Hình thức tiêu hóa của bọt biển là

- A. Có túi tiêu hóa. B. Chưa có cơ quan tiêu hóa.
C. Có ống tiêu hóa. D. Có khoang tiêu hóa.

Câu 3. Tác nhân gây bệnh chỉ có thể gây bệnh trên người khi hội đủ các yếu tố:

- A. Có khả năng gây bệnh và có con đường xâm nhiễm phù hợp.
B. Tồn tại trong môi trường tự nhiên, có khả năng gây bệnh và số lượng phải đủ lớn.
C. Số lượng đủ lớn, có khả năng gây bệnh và con đường xâm nhiễm phù hợp.
D. Có khả năng gây bệnh trên động vật và số lượng phải đủ lớn.

Câu 4. Không khí giàu O_2 khuếch tán qua các lỗ thở vào ống khí rồi đến mọi tế bào của cơ thể. Đây là đặc điểm của hình thức trao đổi khí nào?

- A. Trao đổi khí qua bề mặt cơ thể. B. Trao đổi khí qua phổi.
C. Trao đổi khí qua mang. D. Trao đổi khí qua ống khí.

Câu 5. Những động vật nào sau đây có hệ tuần hoàn kép?

- A. ếch, thằn lằn, chim gõ kiến, thỏ B. ốc, cá, bò câu, người.
C. bọ ngựa, hươu, cá mập, châu chấu. D. cóc, vịt, sò, chim bồ câu.

Câu 6. Nhận định nào sau đây đúng về hô hấp ở cá?

- A. Cách sắp xếp của mao mạch trong mang giúp cho dòng máu chảy trong mao mạch song song và cùng chiều với dòng nước chảy bên ngoài mao mạch của mang.
B. Diện tích trao đổi khí ở mang cá lớn vì mang có nhiều cung mang, mỗi cung mang có nhiều phiến mang.
C. Cá có thể lấy được ít O_2 trong nước khi nước đi qua mang vì dòng nước chảy qua mang và dòng máu chảy trong mao mạch cùng chiều với nhau.
D. Khi cá hít vào, dòng nước chảy qua mang mang theo máu giàu CO_2 , khi cá thở ra, dòng máu giàu O_2 được đẩy ra ngoài.

Câu 7. Các dấu hiệu đặc trưng của dị ứng là

- (1) mẩn ngứa. (2) sốc phản vệ. (3) suy hô hấp. (4) hạ huyết áp. (5) nôn mửa.
A. (1), (2), (4) và (5). B. (2), (3), (4) và (5).
C. (1), (2), (3) và (4). D. (1), (2), (3) và (5).

Câu 8. Vì sao ăn mặn (nhiều muối) thường xuyên sẽ tăng nguy cơ bị bệnh cao huyết áp?

- A. Vì ăn mặn quá nhiều muối sẽ làm tăng lượng glucose trong máu, từ đó kích thích tăng lượng hormone Aldosterone kích thích hấp thụ ở ống thận làm tăng lượng nước trong máu, dẫn đến tăng huyết áp.
B. Vì ăn mặn quá nhiều muối sẽ làm tăng áp suất thẩm thấu máu, từ đó kích thích tăng lượng hormone Aldosterone kích thích hấp thụ ở ống thận làm tăng lượng nước trong máu, dẫn đến tăng huyết áp.
C. Vì ăn mặn quá nhiều muối sẽ làm tăng áp suất thẩm thấu máu, từ đó kích thích tăng lượng hormone ADH kích thích hấp thụ ở ống thận làm tăng lượng nước trong máu, dẫn đến tăng huyết áp.
D. Vì ăn mặn quá nhiều muối sẽ làm lượng glucose trong máu, từ đó kích thích tăng lượng hormone ADH kích thích hấp thụ ở ống thận làm tăng lượng nước trong máu, dẫn đến tăng huyết áp

Câu 9. Tiêm hoặc uống vaccine là

- A. Đưa kháng nguyên hoặc chất tạo kháng nguyên vào cơ thể. B. Đưa chất tạo kháng nguyên vào cơ thể.

C. Đưa kháng nguyên vào cơ thể.

D. Đưa kháng nguyên và kháng thể vào cơ thể.

Câu 10. Khẳng định nào dưới đây về đặc điểm hoạt động trong chu kì của tim người trưởng thành là **không** đúng?

A. Nút xoang nhĩ phát xung thần kinh với nhịp khoảng 0,8s/lần, xung thần kinh từ nút xoang nhĩ truyền xuống tâm nhĩ làm tâm nhĩ co.

B. Khi tâm nhĩ co, máu từ tâm nhĩ xuống tâm thất; khi tâm thất co, máu từ tâm thất lên tâm nhĩ.

C. Tâm thất co là do xung thần kinh từ nút nhĩ thất (nhận xung từ nút xoang nhĩ) truyền qua bó His, các sợi Purkinje và xuống cơ tâm thất.

D. Tâm nhĩ co 0,1s và dẫn 0,7s. Kết thúc pha tâm nhĩ co, tâm thất co 0,3s và dẫn 0,5s.

Câu 11. Các nguyên nhân gây bệnh tiêu chảy là

(1) Tác nhân dị ứng.

(2) Ô nhiễm thực phẩm.

(3) Chế độ ăn ít xơ.

(4) Sử dụng thuốc kháng sinh không đúng chỉ dẫn. (5) Ô nhiễm nguồn nước. (6) Nhịn đại tiện.

A. (1), (2), (3) và (6).

B. (2), (4), (5) và (6).

C. (1), (2), (4) và (5).

D. (2), (3), (5) và (6).

Câu 12. Một trong những tác hại của khói thuốc lá với hệ hô hấp là

A. Làm giảm tiết chất nhầy ở đường hô hấp.

B. Hạn chế các phản ứng viêm.

C. Tăng lưu thông không khí.

D. Phá hủy cấu trúc phế nang và làm xơ hóa phế nang.

PHẦN B. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1. (1 điểm)

1.1. Điền tên các loài động vật sau: *Nhện túi vàng*, *Giun dẹp*, *Bướm ngũ sắc*, *Thủy tức* vào ô hình thức hô hấp tương ứng (0,5 điểm)

	Hô hấp qua bề mặt cơ thể	Hô hấp bằng hệ thống ống khí
Đại diện		

1.2. Cho biết các nhận định sau đây là đúng hay sai (0,5 điểm)

a. Thành phế nang ở người mỏng, ẩm, giàu mao mạch máu nên O_2 và CO_2 dễ khuếch tán. (0,25 điểm)

b. Ở côn trùng, con đường vận chuyển khí đến các tế bào không nhờ vào hệ tuần hoàn. (0,25 điểm)

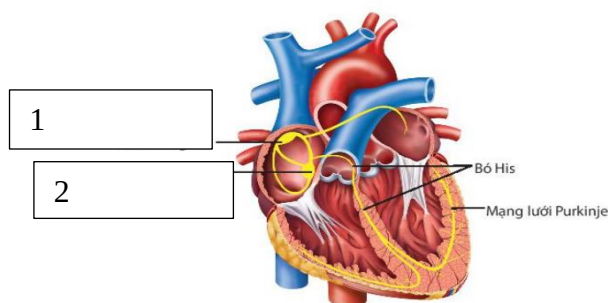
Câu 2. (1 điểm): Hãy phân biệt miễn dịch đặc hiệu và miễn dịch không đặc hiệu theo bảng sau.

Tiêu chí phân biệt	Miễn dịch không đặc hiệu	Miễn dịch đặc hiệu
Khái niệm		
Hệ thống phòng tuyến		

Câu 3. (1 điểm): Tại sao nuôi ếch và giun đất, người nuôi phải giữ môi trường luôn ẩm ướt?

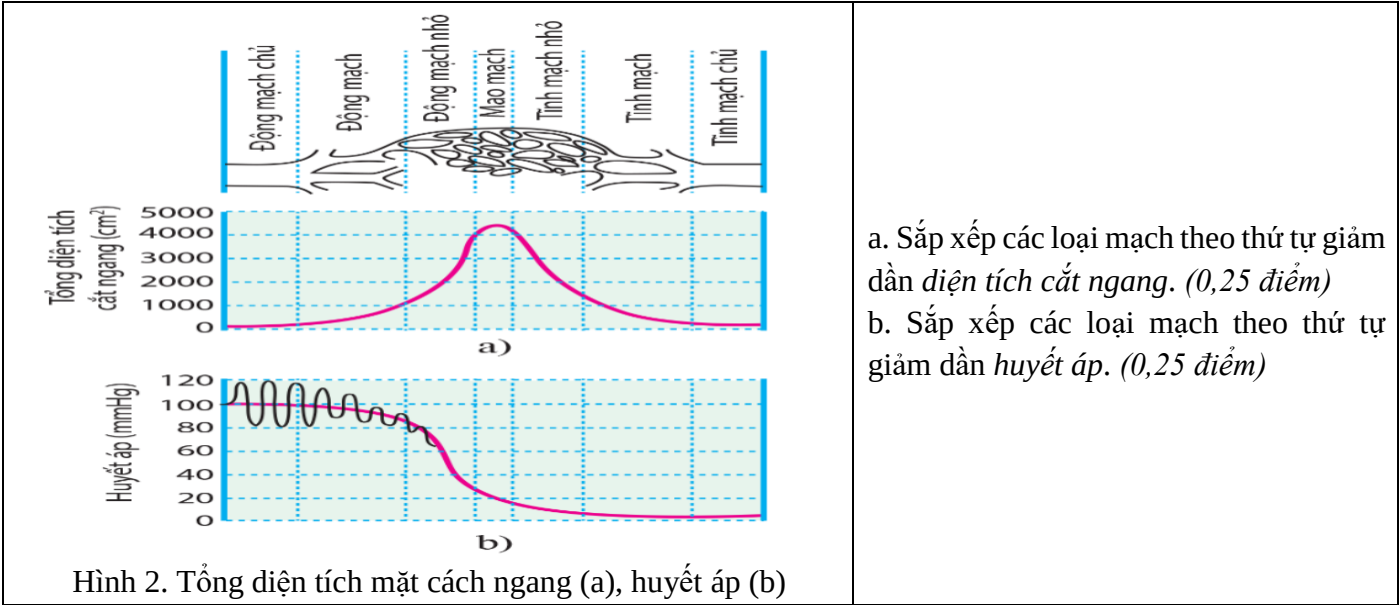
Câu 4. (1 điểm)

4.1. Quan sát hình 1 cấu trúc của hệ dẫn truyền tim, điền chú thích tên các bộ phận tương ứng với các số 1; 2. (0,5 điểm).

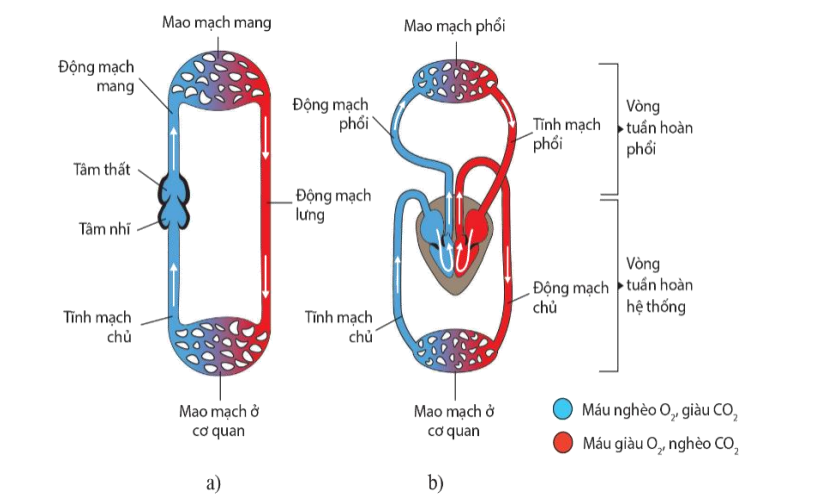


Hình 1. Hệ dẫn truyền trong tim

4.2. Quan sát hình 2 và hoàn thành nội dung câu hỏi dưới đây:



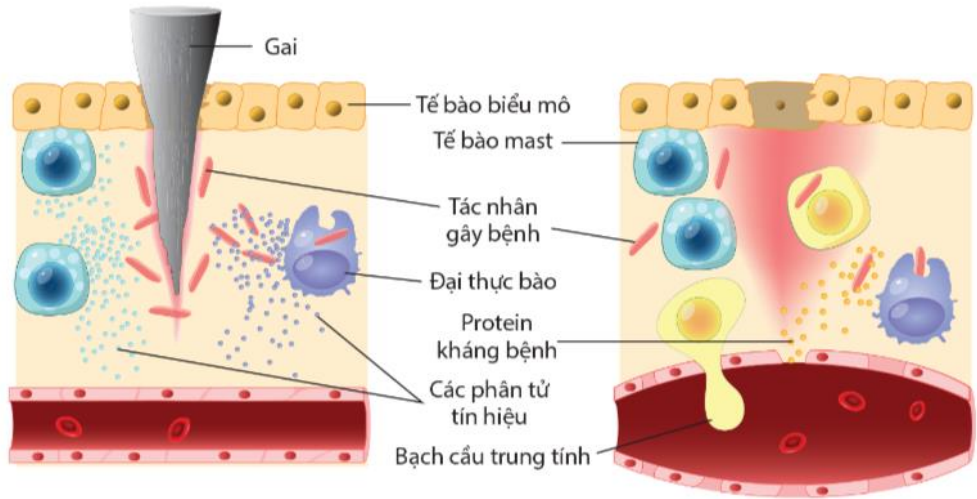
Câu 5. (1 điểm): Quan sát hình 3 và phân biệt hệ tuần hoàn đơn với hệ tuần hoàn kép bằng cách điền thông tin theo gợi ý vào bảng sau đây.



Đặc điểm	Hệ tuần hoàn đơn	Hệ tuần hoàn kép
Đường di chuyển của máu		
Tốc độ của máu		

Hình 3. Hệ tuần hoàn đơn ở cá (a) và hệ tuần hoàn kép ở thú (b)

Câu 6. (1 điểm): Quan sát hình 4 và trình bày cơ chế hình thành phản ứng viêm ở người.



Hình 4: Cơ chế hình thành phản ứng viêm

Câu 7. (1 điểm): Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi sau:

7.1. Phân tích tác hại của rượu bia đối với hệ tim mạch của con người (0,5 điểm)

7.2. Giải thích cơ sở khoa học của quy định người đã uống rượu, bia không được điều khiển giao thông. (0,5 điểm)

Theo số liệu thống kê của WHO, năm 2016 Việt Nam có tổng cộng 549.000 ca tử vong do mọi nguyên nhân thì trong đó rượu, bia được quy cho là nguyên nhân gây ra khoảng 39.000 ca, chiếm 7,2% tổng số tử vong, chủ yếu là gây mắc và tử vong do các bệnh tim mạch (12.200 ca), xơ gan (9.000 ca), ung thư (4.600 ca), rối loạn tâm thần (1.100 ca) và tai nạn giao thông... Tác hại của rượu, bia chính là do chất cồn (ethanol) gây ra thông qua ba cơ chế trực tiếp chính gồm:

- Thứ nhất, ngay với liều nhỏ và từ từ, chất cồn đã gây độc mạn tính cho các cơ quan và mô trong cơ thể. Với liều lượng lớn làm tổn thương đến lớp cơ thành mạch máu và cơ tim làm giảm đường kính mạch máu, giảm khả năng co bóp của tim từ đó gây tăng huyết áp, bệnh cơ tim rối loạn nhịp tim, tăng nguy cơ đột quỵ.

- Thứ hai, chất cồn gây nhiễm độc cấp tính, tác động lên cấu trúc và dẫn truyền của thần kinh trung ương, làm rối loạn phối hợp động tác, giảm tỉnh táo, rối loạn nhận biết, ảnh hưởng đến hành vi.

- Thứ ba, chất cồn là chất hướng thần gây lệ thuộc làm cho người uống phải gia tăng liều dùng và tái sử dụng. Lệ thuộc rượu, bia sẽ gây ra loạn thần do rượu và dẫn đến mắc các bệnh mạn tính cũng như gây ra các hậu quả trước mắt và gánh nặng lâu dài cho xã hội.

Theo công bố của WHO, một người có nồng độ cồn trong máu $=0,01\text{g/dl}$, tương đương với việc mới chỉ uống một ngụm rượu hoặc $\frac{1}{4}$ lon bia thôi, thì đã bắt đầu có các rối loạn như: giảm các chức năng của não bộ trung tâm, tăng hưng phấn, thiếu kiểm chế, rối loạn điều chỉnh phối hợp động tác, động tác không nhất quán, từ đó ảnh hưởng đến kiểm soát tốc độ, duy trì hướng, phản xạ phanh,... trong khi điều khiển phương tiện giao thông. Vì vậy uống rượu bia trước và trong khi lái xe làm tăng nguy cơ gây tai nạn giao thông, dẫn đến tử vong hoặc tàn phế nặng nề. Nhằm bảo vệ sức khỏe người dân, phòng chống những nguy cơ bệnh tật và tai nạn nguy hiểm do sử dụng rượu, bia, Cục Y tế dự phòng khuyến cáo: Mọi tổ chức, cá nhân tuân thủ thực hiện các quy định của Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020. Hãy hạn chế uống rượu, bia vì không có ngưỡng nào là an toàn. (Nguồn <https://vncdc.gov.vn/uong-ruou-bia-khong-co-nguong-nao-la-an-toan-nd14995.html>)

-----HẾT-----

Học sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên học sinh: Số báo danh:

MÃ ĐỀ 112

(Đề thi có 04 trang)

PHẦN A. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu 1. Ở người, giai đoạn nào thức ăn được đưa vào mạch máu và mạch bạch huyết để vận chuyển đến tế bào?

- A. Lấy thức ăn. B. Hấp thụ chất dinh dưỡng. C. Thải chất cặn bã. D. Tiêu hóa thức ăn.

Câu 2. Đơn vị nhỏ nhất của phổi là

- A. Phế quản. B. Tiểu phế quản. C. Phế nang. D. Khí quản.

Câu 3. Đường di chuyển của máu trong hệ tuần kín diễn ra như thế nào?

- A. Tim → động mạch → tĩnh mạch → mao mạch → tim.
B. Tim → mao mạch → tĩnh mạch → động mạch → tim.
C. Tim → tĩnh mạch → mao mạch → động mạch → tim.
D. Tim → động mạch → mao mạch → tĩnh mạch → tim.

Câu 4. Nhóm các bệnh nào sau đây thuộc loại bệnh truyền nhiễm?

- A. Cúm, cận thị, nấm da, HIV/AIDS. B. Cúm, sốt rét, nấm da, HIV/AIDS.
C. Ung thư, loãng xương, thoái hóa khớp. D. Ung thư, cận thị, HIV/AIDS.

Câu 5. . Phát biểu nào **không** đúng khi nói về sự trao đổi khí qua da của giun đất?

- A. Sự khuếch tán O_2 và CO_2 qua da do có sự cân bằng về phân áp O_2 và CO_2 giữa hai phía của bề mặt trao đổi khí.
B. Quá trình chuyển hóa trong cơ thể luôn tiêu thụ O_2 làm cho phân áp O_2 bên trong cơ thể luôn thấp hơn bên ngoài.
C. Sự khuếch tán O_2 và CO_2 qua da do có sự chênh lệch về phân áp O_2 và CO_2 giữa hai phía của bề mặt trao đổi khí.
D. Quá trình chuyển hóa trong cơ thể luôn tạo ra CO_2 làm cho phân áp CO_2 bên trong cơ thể luôn cao hơn bên ngoài.

Câu 6. Khẳng định nào dưới đây về đặc điểm của hệ mạch máu (động mạch, mao mạch, tĩnh mạch) là đúng?

- A. Độ dày thành mạch lớn nhất ở động mạch, thấp nhất ở tĩnh mạch.
B. Tổng diện tích cắt ngang lớn nhất ở mao mạch, thấp nhất ở tĩnh mạch.
C. Huyết áp cao nhất ở động mạch, thấp nhất ở tĩnh mạch.
D. Vận tốc dòng máu thấp nhất ở mao mạch, cao nhất ở tĩnh mạch.

Câu 7. Phát biểu nào **sai** khi nói về cách thức loại bỏ tác nhân gây bệnh của hàng rào bên trong cơ thể?

- A. Các tế bào thực bào như đại thực bào và bạch cầu trung tính sẽ bắt giữ, bao bọc, tiêu diệt tác nhân gây bệnh.
B. Tế bào giết tự nhiên nhận diện những biến đổi bất thường trên bề mặt các tế bào bệnh, tiết protein làm chết các tế bào bệnh.
C. Các tế bào tổng hợp peptide và protein có khả năng chống lại các tác nhân gây bệnh.
D. Tế bào T độc hoạt hóa và lưu hành trong máu, tiết ra độc tố tiêu diệt các tế bào nhiễm mầm bệnh.

Câu 8. Phát biểu nào đúng khi nói về quá trình hình thành nước tiểu?

- A. Nước tiểu được tạo thành trong quá trình máu chảy qua các nephron.
B. Trung bình mỗi ngày có khoảng 17 – 18 lít nước tiểu đầu được tạo ra nhưng chỉ có 1 – 2 lít nước tiểu chính thức được hình thành.
C. Thành phần của nước tiểu đầu tương tự thành phần của máu, chứa các tế bào máu và protein huyết tương.

D. Nước tiểu chính thức được chứa trong bóng đái và thải ra ngoài qua ống thận.

Câu 9. Các biện pháp phòng bệnh hô hấp là

(1) Rửa tay thường xuyên.

(2) Giảm cholesterol trong chế độ ăn.

(3) Giữ vệ sinh môi trường sống. (4) Đeo khẩu trang đúng cách. (5) Tập thể dục, thể thao thường xuyên.

A. (1), (3), (4) và (5).

B. (1), (2), (3) và (5).

C. (2), (3), (4) và (5).

D. (1), (2), (4) và (5).

Câu 10. Ở trạng thái gắng sức so với trạng thái bình thường, vận động viên có đặc điểm một chu kì tim như thế nào?

A. Nhịp tim chậm hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim lớn hơn.

B. Nhịp tim nhanh hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim lớn hơn.

C. Nhịp tim nhanh hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim bé hơn.

D. Nhịp tim chậm hơn và lượng máu được bơm vào mỗi ngăn tim bé hơn.

Câu 11. Khi một vị trí nào đó trên cơ thể bị thương (ví dụ như bị gai đâm) xuất hiện hiện tượng sưng, nóng, đỏ và đau. Hiện tượng này là dấu hiệu của

A. Dị ứng

B. Suy giảm miễn dịch.

C. Ung thư.

D. Phản ứng viêm

Câu 12. Tiêu hóa trong túi tiêu hóa ưu việt hơn tiêu hóa nội bào vì

A. Có thể lấy thức ăn có kích thước lớn.

B. Sự biến đổi thức ăn nhanh hơn.

C. Thức ăn bị biến đổi nhờ enzyme do các tế bào của túi tiêu hóa tiết ra.

D. Enzyme tiêu hóa không bị hòa loãng với nước.

PHẦN B. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1. (1 điểm)

1.1. Điền tên các loài động vật sau: Cá trắm cỏ, chim sẻ, cua hoàng đế, mèo tam thể vào ô hình thức hô hấp tương ứng (0,5 điểm)

	Hô hấp bằng mang	Hô hấp bằng phổi
Đại diện		

1.2. Cho biết các nhận định sau đây là đúng hay sai (0,5 điểm)

a. Cá xương có hiệu quả trao đổi khí cao, hấp thụ 80% O_2 trong nước đi qua mang. (0,25 điểm)

b. Ở châu chấu, các tế bào trao đổi khí trực tiếp với môi trường thông qua hệ thống ống khí phân nhánh nhỏ dần đến từng tế bào. (0,25 điểm).

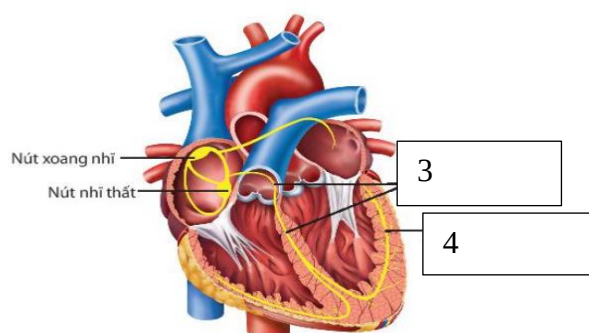
Câu 2. (1 điểm): Hãy phân biệt miễn dịch đặc hiệu và miễn dịch không đặc hiệu theo bảng sau.

Tiêu chí phân biệt	Miễn dịch không đặc hiệu	Miễn dịch đặc hiệu
Khái niệm		
Cơ chế hoạt động		

Câu 3. (1 điểm): Tại sao hệ hô hấp ở người, trao đổi khí với không khí rất hiệu quả?

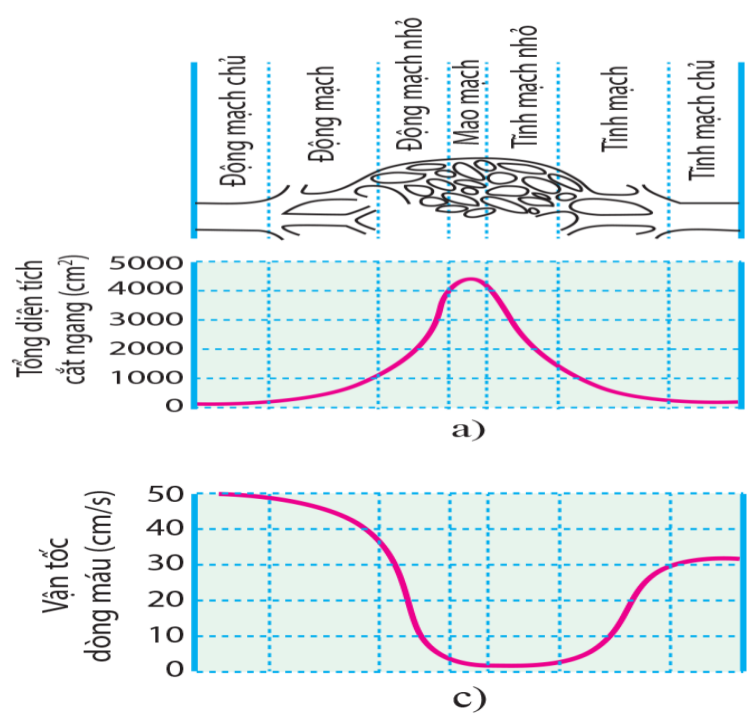
Câu 4. (1 điểm)

4.1. Quan sát hình 1 cấu trúc của hệ dẫn truyền tim, điền chú thích tên các bộ phận tương ứng với các số 3;4. (0,5 điểm)



Hình 1. Hệ dẫn truyền trong tim

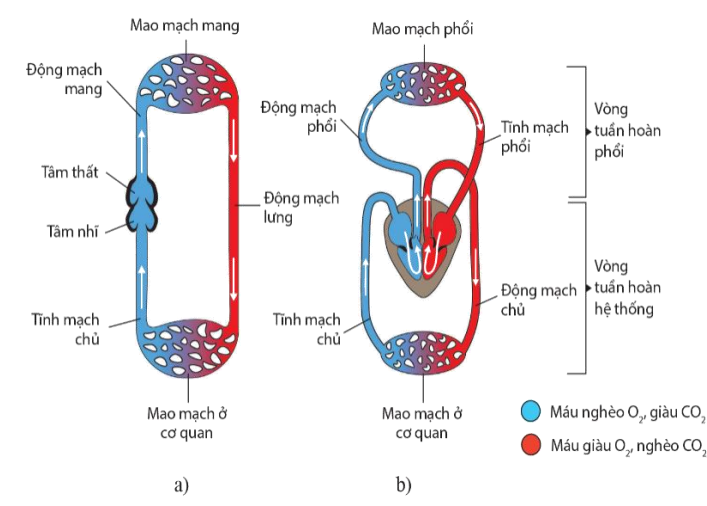
4.2. Quan sát hình 2 và hoàn thành nội dung câu hỏi dưới đây:



- a. Sắp xếp các loại mạch theo thứ tự giảm dần diện tích cắt ngang. (0,25 điểm)
- b. Sắp xếp các loại mạch theo thứ tự giảm dần vận tốc dòng máu. (0,25 điểm)

Hình 2. Tổng diện tích mặt cách ngang (a), vận tốc dòng máu (c)

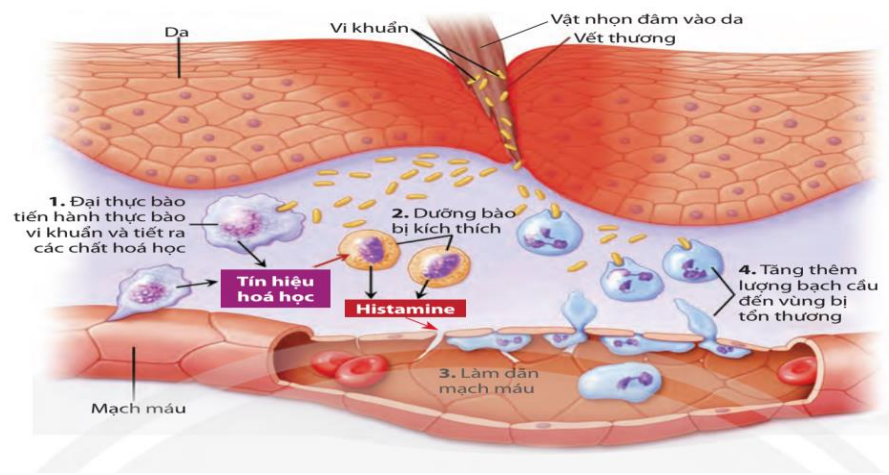
Câu 5. (1 điểm): Quan sát hình 3 và phân biệt hệ tuần hoàn đơn với hệ tuần hoàn kép bằng cách điền thông tin theo gợi ý vào bảng sau đây.



Đặc điểm	Hệ tuần hoàn đơn	Hệ tuần hoàn kép
Đường di chuyển của máu		
Áp lực của máu		

Hình 3. Hệ tuần hoàn đơn ở cá (a) và hệ tuần hoàn kép ở thú (b)

Câu 6. (1 điểm): Quan sát hình 4, trình bày cơ chế phản ứng viêm ở người.



Hình 4. Quá trình đáp ứng viêm tại chỗ

Câu 7. (1 điểm): Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi sau:

7.1. Phân tích tác hại của rượu bia đối với hệ tim mạch của con người (0,5 điểm)

7.2. Giải thích cơ sở khoa học của quy định người đã uống rượu, bia không được điều khiển giao thông. (0,5 điểm)

Theo số liệu thống kê của WHO, năm 2016 Việt Nam có tổng cộng 549.000 ca tử vong do mọi nguyên nhân thì trong đó rượu, bia được quy cho là nguyên nhân gây ra khoảng 39.000 ca, chiếm 7,2% tổng số tử vong, chủ yếu là gây mắc và tử vong do các bệnh tim mạch (12.200 ca), xơ gan (9.000 ca), ung thư (4.600 ca), rối loạn tâm thần (1.100 ca) và tai nạn giao thông... Tác hại của rượu, bia chính là do chất cồn (ethanol) gây ra thông qua ba cơ chế trực tiếp chính gồm:

- Thứ nhất, ngay với liều nhỏ và từ từ, chất cồn đã gây độc mạn tính cho các cơ quan và mô trong cơ thể. Với liều lượng lớn làm tổn thương đến lớp cơ thành mạch máu và cơ tim làm giảm đường kính mạch máu, giảm khả năng co bóp của tim từ đó gây tăng huyết áp, bệnh cơ tim rồi loạn nhịp tim, tăng nguy cơ đột quỵ.

- Thứ hai, chất cồn gây nhiễm độc cấp tính, tác động lên cấu trúc và dẫn truyền của thần kinh trung ương, làm rối loạn phối hợp động tác, giảm tỉnh táo, rối loạn nhận biết, ảnh hưởng đến hành vi.

- Thứ ba, chất cồn là chất hướng thần gây lệ thuộc làm cho người uống phải gia tăng liều dùng và tái sử dụng. Lệ thuộc rượu, bia sẽ gây ra loạn thần do rượu và dẫn đến mắc các bệnh mạn tính cũng như gây ra các hậu quả trước mắt và gánh nặng lâu dài cho xã hội.

Theo công bố của WHO, một người có nồng độ cồn trong máu =0,01g/dl, tương đương với việc mới chỉ uống một ngụm rượu hoặc ¼ lon bia thôi, thì đã bắt đầu có các rối loạn như: giảm các chức năng của não bộ trung tâm, tăng hưng phấn, thiếu kiểm chế, rối loạn điều chỉnh phối hợp động tác, động tác không nhất quán, từ đó ảnh hưởng đến kiểm soát tốc độ, duy trì hướng, phản xạ phanh,... trong khi điều khiển phương tiện giao thông. Vì vậy uống rượu bia trước và trong khi lái xe làm tăng nguy cơ gây tai nạn giao thông, dẫn đến tử vong hoặc tàn phế nặng nề. Nhằm bảo vệ sức khỏe người dân, phòng chống những nguy cơ bệnh tật và tai nạn nguy hiểm do sử dụng rượu, bia, Cục Y tế dự phòng khuyến cáo: Mọi tổ chức, cá nhân tuân thủ thực hiện các quy định của Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020. Hãy hạn chế uống rượu, bia vì không có ngưỡng nào là an toàn. (Nguồn <https://vncdc.gov.vn/uong-ruou-bia-khong-co-nguong-nao-la-an-toan-nd14995.html>)

-----HẾT-----

Học sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.
Họ và tên học sinh: Số báo danh:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1
NĂM HỌC 2023 – 2024
Môn: Sinh học 11 – Ban: KHXH
Thời gian làm bài: 45 phút
(không kể thời gian phát đề)

HỌ TÊN:	LỚP:	ĐIỂM:
---------------	------------	-------------

MÃ ĐỀ	SỐ BÁO DANH	ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM
		A B C D A B C D A B C D A B C D
0	0	1 A B C D 11 A B C D 21 A B C D 31 A B C D
1	1	2 A B C D 12 A B C D 22 A B C D 32 A B C D
2	2	3 A B C D 13 A B C D 23 A B C D 33 A B C D
3	3	4 A B C D 14 A B C D 24 A B C D 34 A B C D
4	4	5 A B C D 15 A B C D 25 A B C D 35 A B C D
5	5	6 A B C D 16 A B C D 26 A B C D 36 A B C D
6	6	7 A B C D 17 A B C D 27 A B C D 37 A B C D
7	7	8 A B C D 18 A B C D 28 A B C D 38 A B C D
8	8	9 A B C D 19 A B C D 29 A B C D 39 A B C D
9	9	10 A B C D 20 A B C D 30 A B C D 40 A B C D

- Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, làm rách, không tẩy xóa, để máy chấm.
- Tô **kín**, tô **đậm** các ô tròn tương ứng với mã Đề thi, Số báo danh và đáp án đúng cho Phần trắc nghiệm.
- Không được ghi đề, tô đề lên các ô vuông đen, để máy định vị chính xác

Câu 1 (1,0 điểm)

Phân tích sự khác nhau về nhu cầu năng lượng, chất dinh dưỡng ở các độ tuổi, giới tính.

[illegible]

Câu 2 (1,0 điểm)

Cho biết các nhận định sau đây đúng hay sai?

a. Thành cơ thể của thủy tức rất dày, khí phải khuếch tán qua nhiều lớp tế bào nên hiệu quả trao đổi khí không cao.

.....

b. Da của giun đất khi bị khô thì không thể hô hấp được.

.....

c. Ở châu chấu, các tế bào trao đổi khí trực tiếp với môi trường thông qua hệ thống ống khí phân nhánh nhỏ dần đến từng tế bào.

.....

d. Cá xương có hiệu quả trao đổi khí cao, hấp thụ 80% O₂ trong nước đi qua mang.

.....

Câu 3 (1,0 điểm)

1. Bệnh viêm phế quản là gì?

Viêm phế quản là bệnh nhiễm trùng cấp tính, xảy ra khi đường thở dưới hoặc cuống phổi của bệnh nhân bị viêm nhiễm, sưng đau, gây triệu chứng đau rát cổ họng, ho nhiều. Nếu không phát hiện và điều trị sớm, bệnh có thể gây ra nhiều biến chứng nguy hiểm cho trẻ (suy hô hấp, viêm phổi, thậm chí tử vong).

2. Vì sao trẻ hay bị viêm phế quản vào mùa lạnh?

Viêm phế quản thường gây ra bởi virus, vi khuẩn. Các loại virus gây bệnh thường gặp gồm: Adenovirus, virus cúm A, virus cúm B, RSV, Rhinovirus,... Vi khuẩn gây bệnh có thể là: Vi khuẩn ho gà, Mycoplasma Pneumoniae, Chlamydia Pneumoniae,... Ngoài ra, có một số yếu tố làm tăng nguy cơ mắc bệnh của trẻ như: Cơ địa trẻ dễ dị ứng, cha mẹ bị hen suyễn hoặc môi trường sống nhiều khói bụi, khói thuốc lá,...

Bệnh viêm phế quản ở trẻ hay gặp vào mùa lạnh vì thời tiết mùa đông - xuân rất thích hợp cho sự phát triển của virus gây bệnh. Bên cạnh đó, nếu trẻ có sức đề kháng yếu hoặc cơ thể bị nhiễm lạnh thì các yếu tố gây bệnh càng dễ tấn công. Đó là lý do bệnh thường rơi vào mùa lạnh.

(Nguồn: <https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/thong-tin-suc-khoe/nhi/canh-giac-tre-hay-bi-viem-phe-quan-vao-mua-lanh/>)

a. Viêm phế quản là bệnh thuộc hệ cơ quan nào ở người?

.....

b. Hãy đề xuất các biện pháp phòng bệnh viêm phế quản cho trẻ nhỏ.

.....

.....

.....

.....

Câu 4 (1,0 điểm)

Phân biệt hệ tuần hoàn đơn với hệ tuần hoàn kép theo gợi ý ở bảng sau đây:

Đặc điểm	Hệ tuần hoàn đơn	Hệ tuần hoàn kép
Số vòng tuần hoàn		
Đại diện		
Số ngăn tim		
Máu đi nuôi cơ thể		

Câu 5 (1,0 điểm)

Một chu kì hoạt động của tim gồm mấy pha (giai đoạn)? Ở người trưởng thành, thời gian của mỗi pha khoảng bao lâu?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 6 (1,0 điểm)

Hãy cho biết nguyên nhân gây bệnh và biện pháp phòng ngừa bệnh xơ vữa động mạch.

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 7 (1,0 điểm):

Khi bị đinh sắt gỉ đâm vào cơ thể sẽ có cơ chế bảo vệ như thế nào?

.....

.....

.....

.....

.....

PHẦN B. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu 1. Ở động vật, sau giai đoạn tiêu hóa và hấp thụ, chất dinh dưỡng được chuyển đến từng tế bào nhờ:

- A.** Hệ tuần hoàn. **B.** Hệ mạch. **C.** Hệ thần kinh. **D.** Hệ tiêu hóa.

Câu 2. Trùng biến hình dùng hình thức nào sau đây để lấy thức ăn?

- A.** Thực bào. **B.** Xuất bào. **C.** Hút thức ăn bằng miệng. **D.** Khuếch tán.

Câu 3. Điều **không** đúng với sự tiêu hóa thức ăn trong các bộ phận của ống tiêu hóa ở người là:

- A.** Ở dạ dày có tiêu hóa cơ học và tiêu hóa hóa học.

- B.** Ở miệng có tiêu hóa cơ học và tiêu hóa hóa học.
C. Ở ruột già có tiêu hóa cơ học và tiêu hóa hóa học.
D. Ở ruột non có tiêu hóa cơ học và tiêu hóa hóa học.

Câu 4. Sự tiến hóa của các hình thức tiêu hóa diễn ra theo thứ tự là:

- A.** Tiêu hóa nội bào → Tiêu hóa nội bào kết hợp với ngoại bào → Tiêu hóa ngoại bào.
B. Tiêu hóa nội bào → Tiêu hóa nội bào kết hợp với ngoại bào → Tiêu hóa nội bào.
C. Tiêu hóa nội bào → Tiêu hóa ngoại bào → Tiêu hóa nội bào kết hợp với ngoại bào.
D. Tiêu hóa nội bào kết hợp với ngoại bào → Tiêu hóa nội bào → Tiêu hóa ngoại bào.

Câu 5. Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về vai trò của hô hấp?

- A.** Lấy O_2 từ môi trường sống cung cấp cho hô hấp tế bào để tổng hợp chất hữu cơ phức tạp từ chất đơn giản.
B. Thải CO_2 sinh ra từ hô hấp tế bào vào môi trường, đảm bảo cân bằng môi trường trong cơ thể.
C. Lấy CO_2 từ môi trường sống cung cấp cho hô hấp tế bào để tổng hợp chất hữu cơ phức tạp từ chất đơn giản.
D. Thải CO_2 sinh ra từ quá trình tổng hợp chất trong tế bào vào môi trường, đảm bảo cân bằng môi trường trong cơ thể.

Câu 6. Có mấy hình thức trao đổi khí ở động vật?

- A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 7. Chúng ta biết “hệ hô hấp của người, trao đổi khí với không khí rất hiệu quả”. Có bao nhiêu giải thích sau đây đúng?

- I. Do phổi được tạo thành từ hàng triệu phế nang nên diện tích bề mặt trao đổi khí rất lớn.
 II. Vì người thuộc lớp Thú, hô hấp bằng phổi.
 III. Phổi có nhiều phế nang, bề mặt lớn có hệ thống mao mạch bao quanh dày đặc.
 IV. Máu chảy trong hệ thống mao mạch rất lớn, trao đổi khí O_2 và CO_2 với dòng không khí ra, vào phế nang.

- A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 8. Cơ quan hô hấp của động vật trên cạn nào sau đây trao đổi khí hiệu quả nhất?

- A.** Phổi của bò sát. **B.** Phổi của chim.
C. Phổi và da của ếch nhái. **D.** Da của giun đất.

Câu 9. Bệnh là sự _____ của các tế bào, mô, cơ quan, bộ phận trong cơ thể.

Cụm từ còn thiếu điền vào chỗ trống là:

- A.** rối loạn, suy giảm hay mất chức năng **B.** thay đổi cấu trúc và chức năng
C. biến đổi về cấu trúc và hình dạng **D.** suy yếu

Câu 10. Một ví dụ về bệnh không truyền nhiễm là:

- A.** nấm da. **B.** lở mồm long móng **C.** ung thư. **D.** sốt rét.

Câu 11. Nổi cộm tác nhân gây bệnh và cách thức gây bệnh dưới đây:

Tác nhân gây bệnh	Cách thức gây bệnh
1. Tác nhân cơ học.	a. gây biến tính protein, gây bỏng.
2. Nhiệt độ cao.	b. gây giảm thính lực hoặc điếc.
3. Dòng điện.	c. gây tổn thương DNA, có thể gây ung thư da.
4. Ánh sáng mặt trời mạnh.	d. gây giập nát, tổn thương mô, cơ quan.
5. Âm thanh lớn kéo dài.	e. gây giập, bỏng tại chỗ hoặc toàn thân.

- A.** 1c, 2a, 3b, 4e, 5d. **B.** 1d, 2a, 3e, 4b, 5c. **C.** 1d, 2a, 3e, 4c, 5b. **D.** 1c, 2a, 3b, 4d, 5e.

Câu 12. Cơ chế miễn dịch chống lại các tác nhân gây bệnh được thực hiện bởi:

- A.** hệ miễn dịch. **B.** miễn dịch không đặc hiệu.
C. miễn dịch dịch thể. **D.** miễn dịch tế bào.

-----HẾT-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HỌ TÊN: LỚP: ĐIỂM:

MÃ ĐỀ	SỐ BÁO DANH	ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM
		A B C D A B C D A B C D A B C D
0	0	1
1	1	2
2	2	3
3	3	4
4	4	5
5	5	6
6	6	7
7	7	8
8	8	9
9	9	10
		11
		12
		13
		14
		15
		16
		17
		18
		19
		20
		21
		22
		23
		24
		25
		26
		27
		28
		29
		30
		31
		32
		33
		34
		35
		36
		37
		38
		39
		40

- Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, làm rách, không tẩy xóa, để máy chấm.
- Tô **kín**, tô **đậm** các ô tròn tương ứng với mã Đề thi, Số báo danh và đáp án đúng cho Phần trắc nghiệm.
- Không được ghi đề, tô đề lên các ô vuông đen, để máy định vị chính xác

Câu 1 (1,0 điểm)

Phân tích sự khác nhau về nhu cầu năng lượng, chất dinh dưỡng ở người đang mang thai và hoạt động thể lực mạnh.

[illegible]

Câu 2 (1,0 điểm)

Cho biết các nhận định sau đây đúng hay sai?

a. Ở động vật đơn bào, quá trình trao đổi khí diễn ra trực tiếp qua màng tế bào.

.....
.....

b. Ở côn trùng, con đường vận chuyển khí đến các tế bào không nhờ vào hệ tuần hoàn.

.....
.....

c. Thành phế nang ở người mỏng, ẩm, giàu mao mạch máu nên O_2 và CO_2 dễ khuếch tán.

.....
.....

d. Chim là động vật trên cạn trao đổi khí hiệu quả nhất.

.....
.....

Câu 3 (1,0 điểm)

1. Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính là gì?

Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) là một bệnh viêm phổi mãn tính được gây ra luồng khí bị tắc nghẽn từ phổi. Các triệu chứng bao gồm khó thở, ho, tiết chất nhầy (đờm) và thở khò khè. Nguyên nhân gây bệnh là do tiếp xúc lâu dài với các chất khí hoặc hạt vật chất kích thích, thường là từ khói thuốc lá. Những người bị COPD có nguy cơ mắc bệnh tim, ung thư phổi và một loạt các tình trạng khác.

COPD là một tình trạng phổ biến chủ yếu ảnh hưởng đến người trung niên hoặc người cao tuổi hút thuốc. Tuy nhiên, có khá nhiều người không nhận ra mình bị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. Các vấn đề về hô hấp có xu hướng trở nên tồi tệ dần theo thời gian và có thể hạn chế các hoạt động bình thường, mặc dù điều trị có thể giúp kiểm soát tình trạng này.

2. Nguyên nhân của COPD là gì?

COPD xảy ra khi phổi bị viêm, tổn thương và hẹp đường dẫn khí. Nguyên nhân chính là do hút thuốc, mặc dù tình trạng này đôi khi có thể xảy ra ở những người chưa bao giờ hút thuốc, ví dụ như những bệnh nhân mắc bệnh giãn phế quản, hen, di chứng lao phổi...)

Thực tế, việc hút thuốc lá càng nhiều và thời gian càng dài thì khả năng mắc bệnh phổi tắc nghẽn càng cao. Một số trường hợp COPD là do tiếp xúc lâu dài với khói hoặc bụi có hại. Những người khác là kết quả của một vấn đề di truyền hiếm gặp, có nghĩa là phổi dễ bị tổn thương hơn.

(Nguồn: <https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/thong-tin-suc-khoe/suc-khoe-tong-quat/benh-phoi-tac-nghen-man-tinh-copd/>)

a. Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính là bệnh thuộc hệ cơ quan nào ở người?

.....
.....

b. Hãy đề xuất các biện pháp phòng bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.

.....
.....
.....
.....

Câu 4 (1,0 điểm):

Phân biệt hệ tuần hoàn hở với hệ tuần hoàn kín theo gợi ý ở bảng sau đây:

Đặc điểm	Hệ tuần hoàn hở	Hệ tuần hoàn kín
Thành phần cấu tạo		
Đặc điểm của dịch tuần hoàn		

Câu 5 (1,0 điểm)

Hệ dẫn truyền tim hoạt động như thế nào? Tính tự động của tim có ý nghĩa gì đối với cơ thể?

[illegible]

Câu 6 (1,0 điểm)

Hãy cho biết nguyên nhân gây bệnh và biện pháp phòng ngừa bệnh cao huyết áp.

[illegible]

Câu 7 (1,0 điểm)

Khi cơ thể lần đầu bị virus Rubella xâm nhiễm sẽ có cơ chế bảo vệ như thế nào?

[illegible]

PHẦN B. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu 1. Ở cân bằng, sự thông khí trong các ống khí thực hiện nhờ vào

- A.** sự co giãn của phần bụng.
B. sự di chuyển của chân.
C. sự co giãn của hệ tiêu hóa.
D. sự đóng mở của mang.

Câu 2. Giun dẹp trao đổi khí bằng hình thức nào sau đây?

- A. Qua bề mặt cơ thể.**

C. Qua mang. D. Qua phổi.

Câu 3. Có mấy hình thức trao đổi khí ở động vật?

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 4. Khi nuôi ếch và giun đất, người nuôi phải giữ cho môi trường nuôi luôn ẩm ướt. Có bao nhiêu giải thích sau đây đúng?

I. Ếch và giun đất chủ yếu hô hấp qua da nên phải ẩm mới khuếch tán được.

II. Da ếch và giun đất cần ẩm để thực hiện khuếch tán không khí dễ dàng.

III. Nếu môi trường không đủ ẩm, da ếch và giun đất bị khô, chúng không thực hiện được quá trình trao đổi khí sẽ chết.

IV. Ếch và giun sống dưới nước nên cần phải ẩm ướt.

A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 5. Nối cột tác nhân gây bệnh và cách thức gây bệnh dưới đây:

Tác nhân gây bệnh	Cách thức gây bệnh
1. Vi khuẩn	a. xuyên thủng tế bào cơ thể, lấy chất dinh dưỡng từ tế bào, hủy hoại các tế bào mà chúng kí sinh.
2. Virus	b. giải phóng độc tố, hủy hoại các tế bào cơ thể.
3. Nấm	c. lấy chất dinh dưỡng trong ống tiêu hóa của người, làm suy yếu cơ thể, có thể gây tử vong.
4. Giun, sán	d. xâm nhập vào tế bào và can thiệp vào hoạt động của tế bào để tạo ra các phân tử mới gây suy yếu, hủy hoại các tế bào cơ thể.

A. 1a, 2b, 3c, 4d.

B. 1d, 2b, 3a, 4c.

C. 1b, 2d, 3a, 4c.

D. 1a, 2c, 3d, 4b.

Câu 6. Bệnh nào sau đây có thể gây ra do yếu tố di truyền?

A. Thoái hóa mô thần kinh.

B. Mù màu.

C. Viêm khớp.

D. Béo phì.

Câu 7. Cơ thể chỉ bị bệnh khi tác nhân gây bệnh hội tụ đủ:

A. 3 yếu tố: có khả năng gây bệnh, có con đường xâm nhiễm phù hợp và số lượng đủ lớn.

B. 2 yếu tố: có con đường xâm nhiễm phù hợp và có khả năng thích nghi cao.

C. 3 yếu tố: có con đường xâm nhiễm phù hợp, có khả năng thích nghi cao và số lượng đủ lớn

D. 2 yếu tố: có khả năng gây bệnh và có số lượng đủ lớn.

Câu 8. Cơ chế miễn dịch chống lại các tác nhân gây bệnh được thực hiện bởi:

A. hệ miễn dịch.

B. miễn dịch không đặc hiệu.

C. miễn dịch dịch thể.

D. miễn dịch tế bào.

Câu 9. Thủy tức dùng hình thức nào sau đây để lấy thức ăn?

A. Thực bào.

B. Xuất bào.

C. Hút thức ăn bằng tua.

D. Khuếch tán.

Câu 10. Điều **không** đúng với ưu thế của ống tiêu hóa so với túi tiêu hóa là:

A. Dịch tiêu hóa được hòa loãng.

B. Dịch tiêu hóa không được hòa loãng.

C. Ống tiêu hóa được phân hóa thành các bộ phận khác nhau tạo cho sự chuyên hóa về chức năng.

D. Có sự kết hợp giữa tiêu hóa hóa học và tiêu hóa cơ học.

Câu 11. Thức ăn khi vào dạ dày của người sẽ được biến đổi như thế nào?

A. Chỉ biến đổi cơ học.

B. Chỉ biến đổi hóa học.

C. Biến đổi cả cơ học và hóa học.

D. Không biến đổi mà di chuyển thẳng xuống ruột.

Câu 12. Ở động vật, sau giai đoạn tiêu hóa và hấp thụ, chất dinh dưỡng được chuyển đến từng tế bào nhờ:

A. Hệ tuần hoàn.

B. Hệ mạch.

C. Hệ thần kinh.

D. Hệ tiêu hóa.

-----HẾT-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

MÃ ĐỀ: 117

HỌ TÊN:.....

LỚP:

ĐIỂM:

MÃ ĐỀ	SỐ BÁO DANH	ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM
■ □ □ □	■ □ □ □ □ □	■ A B C D ■ A B C D ■ A B C D ■ A B C D
0 ○ ○ ○	0 ○ ○ ○ ○ ○ ○	1 ○ A B C D 11 ○ A B C D 21 ○ A B C D 31 ○ A B C D
1 ○ ○ ○	1 ○ ○ ○ ○ ○ ○	2 ○ A B C D 12 ○ A B C D 22 ○ A B C D 32 ○ A B C D
2 ○ ○ ○	2 ○ ○ ○ ○ ○ ○	3 ○ A B C D 13 ○ A B C D 23 ○ A B C D 33 ○ A B C D
3 ○ ○ ○	3 ○ ○ ○ ○ ○ ○	4 ○ A B C D 14 ○ A B C D 24 ○ A B C D 34 ○ A B C D
4 ○ ○ ○	4 ○ ○ ○ ○ ○ ○	5 ○ A B C D 15 ○ A B C D 25 ○ A B C D 35 ○ A B C D
5 ○ ○ ○	5 ○ ○ ○ ○ ○ ○	6 ○ A B C D 16 ○ A B C D 26 ○ A B C D 36 ○ A B C D
6 ○ ○ ○	6 ○ ○ ○ ○ ○ ○	7 ○ A B C D 17 ○ A B C D 27 ○ A B C D 37 ○ A B C D
7 ○ ○ ○	7 ○ ○ ○ ○ ○ ○	8 ○ A B C D 18 ○ A B C D 28 ○ A B C D 38 ○ A B C D
8 ○ ○ ○	8 ○ ○ ○ ○ ○ ○	9 ○ A B C D 19 ○ A B C D 29 ○ A B C D 39 ○ A B C D
9 ○ ○ ○	9 ○ ○ ○ ○ ○ ○	10 ○ A B C D 20 ○ A B C D 30 ○ A B C D 40 ○ A B C D

Thí sinh lưu ý :

- Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, làm rách, không tẩy xóa, để máy chấm.
- Tô kín, tô đậm các ô tròn tương ứng với mã Đề thi, Số báo danh và đáp án đúng cho Phần trắc nghiệm.
- Không được ghi đề, tô đề lên các ô vuông đen, để máy định vị chính xác

PHẦN A. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Phân tích sự khác nhau về nhu cầu năng lượng, chất dinh dưỡng theo độ tuổi và hoạt động thể lực khác nhau.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2 (2,0 điểm)

Cho biết các nhận định sau đây là đúng hay sai?

a. Ở động vật đơn bào, quá trình trao đổi khí diễn ra trực tiếp qua màng tế bào.

.....

.....

b. Ở côn trùng, con đường vận chuyển khí đến các tế bào không nhờ vào hệ tuần hoàn.

.....

.....

c. Ở chim, các tế bào trao đổi khí trực tiếp với môi trường thông qua hệ thống ống khí phân nhánh nhỏ dần đến từng tế bào.

d. Cá xương có hiệu quả trao đổi khí cao, hấp thụ 80% O_2 trong nước đi qua mang.

Câu 3 (2,0 điểm)

Phân biệt hệ tuần hoàn đơn với hệ tuần hoàn kép theo gợi ý ở bảng sau đây:

Đặc điểm	Hệ tuần hoàn đơn	Hệ tuần hoàn kép
Số vòng tuần hoàn		
Đại diện		
Số ngăn tim		
Máu đi nuôi cơ thể		

Câu 4 (1,0 điểm)

Nêu hoạt động của hệ dẫn truyền tim? Tính tự động của tim có ý nghĩa gì đối với cơ thể?

PHẦN B. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu 1. Ở động vật, sự vận chuyển các chất dinh dưỡng đến từng tế bào nhờ:

- A. Hệ tuần hoàn. B. Hệ mạch. C. Hệ thần kinh. D. Hệ tiêu hóa.

Câu 2. Trùng biến hình dùng hình thức nào sau đây để lấy thức ăn?

- A. Thực bào. B. Xuất bào. C. Hút thức ăn bằng miệng. D. Khuếch tán.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về vai trò của hô hấp?

A. Lấy O_2 từ môi trường sống cung cấp cho hô hấp tế bào để tổng hợp chất hữu cơ phức tạp từ chất đơn giản.

B. Thải CO_2 sinh ra từ hô hấp tế bào vào môi trường, đảm bảo cân bằng môi trường trong cơ thể.

C. Lấy CO_2 từ môi trường sống cung cấp cho hô hấp tế bào để tổng hợp chất hữu cơ phức tạp từ chất đơn giản.

D. Thải CO_2 sinh ra từ quá trình tổng hợp chất trong tế bào vào môi trường, đảm bảo cân bằng môi trường trong cơ thể.

Câu 4. Giun dẹp trao đổi khí bằng hình thức nào sau đây?

- A. Qua phổi. B. Qua hệ thống ống khí. C. Qua mang. D. Qua bề mặt cơ thể.

Câu 5. Bệnh nào sau đây có thể gây ra do yếu tố di truyền?

- A. Thoái hóa mô thần kinh. B. Mù màu. C. Viêm khớp. D. Béo phì.

Câu 6. Cơ chế miễn dịch chống lại các tác nhân gây bệnh được thực hiện bởi:

- A. miễn dịch dịch thể. B. miễn dịch không đặc hiệu. C. hệ miễn dịch. D. miễn dịch tế bào.

-----HẾT-----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KÌ 1 (2023 - 2024)
MÔN: SINH HỌC 11 - CẢNH DIỀU

MÃ ĐỀ 111

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

1 - A	2 - B	3 - C	4 - D	5 - A	6 - B
7 - C	8 - C	9 - A	10 - B	11 - C	12 - D

B. PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án			Biểu điểm
1	1.1	- Hô hấp qua bề mặt cơ thể: Giun dẹp, Thủy tức - Hô hấp bằng hệ thống ống khí: Nhện, Bướm ngừ sắc		0,25 điểm
	1.2.	a. Đúng b. Đúng		0,25 điểm
2	Tiêu chí phân biệt	Miễn dịch không đặc hiệu	Miễn dịch đặc hiệu	Mỗi ý đúng ở mỗi ô là 0.25 điểm
	Khái niệm	Là khả năng tự <u>bảo vệ</u> sẵn có ở động vật và người từ khi <u>mới sinh ra</u> mà <u>không cần</u> có sự tiếp xúc trước với <u>kháng nguyên</u> , không có tính <u>đặc hiệu</u> .	Là phản ứng <u>đặc hiệu</u> của cơ thể <u>chống lại</u> các <u>kháng nguyên</u> khi chúng <u>xâm nhập</u> vào cơ thể. * <u>Kháng nguyên</u> : là những phân tử <u>ngoại lai</u> gây ra <u>đáp ứng</u> miễn dịch.	
	Hệ thống phòng tuyến	- <u>Hàng rào bảo vệ vật lí và hóa học</u> : lớp <u>vỏ ngoài</u> , các <u>TB biểu mô</u> (da, niêm mạc) các <u>tuyến</u> . - <u>Các đáp ứng không đặc hiệu</u> : + <u>Thực bào</u> + <u>Viêm</u> + <u>Sốt</u> + Các <u>peptide</u> và protein chống lại mầm bệnh (interferon, hệ thống các <u>bổ thể</u>).	- Các <u>TB lympho B</u> , <u>TB lympho T</u> . - Sản phẩm của các <u>TB lympho</u> (kháng thể). Các tế bào B và T có <u>thụ thể kháng nguyên</u> – vị trí <u>nhận diện</u> và <u>gắn</u> với kháng nguyên qua <u>quyết định kháng nguyên</u> tương ứng theo cơ chế <u>Chìa khóa - Ổ khóa</u> .	
3	- Éch và giun đất đều là những động vật trao đổi khí chủ yếu qua bề mặt cơ thể (da).			0,5 điểm
	- Do đó, bề mặt cơ thể của ech và giun đất cần giữ được độ ẩm để không khí có thể khuếch tán dễ dàng			0,5 điểm
4	4.1 (1) Nút xoang nhĩ (2) Nút nhĩ thất			0,25 điểm
	4.2			0,25 điểm
	- Các loại mạch theo thứ tự giảm dần diện tích cắt ngang Mao mạch -> Tĩnh mạch -> Động mạch			0,25 điểm
	- các loại mạch theo thứ tự giảm dần huyết áp Động mạch -> Mao mạch -> Tĩnh mạch			0,25 điểm

5	Đặc điểm	Hệ tuần hoàn đơn	Hệ tuần hoàn kép	Mỗi ô đúng được 0,25 điểm
	Đường di chuyển của máu	Tim → Động mạch mang → Mao mạch mang → Tĩnh mạch mang → Tĩnh mạch chủ → Tim.	TTP → ĐM phổi → MM phổi → TM phổi → TNT → TTT → ĐMC → MM → TMC → TNP -> TTP	
	Tốc độ của máu	Máu chảy chậm	Máu chảy nhanh	
6	- Đại thực bào và tế bào mast tiết phân tử tín hiệu kích thích dẫn thành mao mạch - Bạch cầu trung tính và protein kháng bệnh từ mạch máu đến chỗ vết thương để tiêu diệt tác nhân gây bệnh.			0.5 điểm 0,5 điểm
7	- Tổn thương đến lớp cơ thành mạch máu và cơ tim làm giảm đường kính mạch máu, giảm khả năng co bóp của tim từ đó gây tăng huyết áp, bệnh cơ tim rối loạn nhịp tim, tăng nguy cơ đột quỵ. - Giảm các chức năng của não bộ trung tâm, tăng hưng phấn, thiếu kiểm chế, rối loạn điều chỉnh phối hợp động tác, động tác không nhất quán, từ đó ảnh hưởng đến kiểm soát tốc độ, duy trì hướng, phản xạ phanh,... trong khi điều khiển phương tiện giao thông			0,5 điểm 0,5 điểm

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA HỌC KÌ 1 (2023 - 2024)
MÔN: SINH HỌC 11 - CẢNH DIỀU

MÃ ĐỀ 112

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.

1 - B	2 - C	3 - D	4 - B	5 - A	6 - C
7 - D	8 - A	9 - A	10 - B	11 - D	12 - D

B. PHẦN TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án			Biểu điểm
1	1.1	- Hô hấp bằng mang: Cá chép, cua hoàng đế - Hô hấp bằng hệ thống ống khí: mèo tam thể, chim sẻ		0,25 điểm 0,25 điểm
	1.2.			
	a. Đúng			0,25 điểm 0,25 điểm
	b. Đúng			
2	Tiêu chí phân biệt	Miễn dịch không đặc hiệu	Miễn dịch đặc hiệu	Mỗi ý đúng ở mỗi ô là 0.25 điểm
	Khái niệm	Là khả năng tự <u>bảo vệ</u> sẵn có ở động vật và người từ khi <u>mới sinh ra</u> mà <u>không cần</u> có sự tiếp xúc trước với <u>kháng nguyên</u> , không có tính <u>đặc hiệu</u> .	Là phản ứng <u>đặc hiệu</u> của cơ thể <u>chống lại</u> các <u>kháng nguyên</u> khi chúng <u>xâm nhập</u> vào cơ thể. * <u>Kháng nguyên</u> : là những phân tử <u>ngoại lai</u> gây ra <u>đáp ứng</u> miễn dịch.	
	Cơ chế hoạt động	Tác nhân → hàng rào <u>vật lí</u> và <u>hóa học</u> → các đáp ứng miễn dịch <u>không đặc hiệu</u> → <u>tiêu diệt</u> tác nhân gây bệnh.	Gồm MD dịch thể và MD tế bào - MD <u>dịch thể</u> : có sự tham gia của <u>kháng thể IgG</u> từ tế bào <u>lympho B</u> (trong máu, sữa, dịch bạch huyết); phản ứng <u>đặc hiệu</u> với <u>kháng nguyên</u> . - MD <u>tế bào</u> : có sự tham gia của tế bào <u>T độc</u> tiết protein độc để <u>làm tan</u> TB nhiễm hoặc virus.	
3	- Người có 2 lá phổi, phổi được tạo thành từ hàng triệu phế nang tạo nên diện tích bề mặt trao đổi khí rất lớn (gấp hơn 50 lần diện tích da). Đồng thời, phế nang có hệ thống mao mạch bao quanh dày đặc → Những đặc điểm này làm tăng hiệu quả cho quá trình trao đổi khí O ₂ và CO ₂ giữa máu chảy trong các mao mạch với dòng không khí ra, vào phế nang.			0,5 điểm
	- Hoạt động của các cơ hô hấp làm thay đổi thể tích lồng ngực và thể tích phổi (khi hít vào lồng ngực và phổi giãn rộng ra, kéo không khí từ ngoài vào phổi) → đảm bảo sự thông khí tại phổi (thông khí nhờ áp suất âm), tạo điều kiện thuận lợi cho sự trao đổi khí.			0,5 điểm
4	4.1 (1) Bó His (2) Mạng Puôckin			0,25 điểm 0,25 điểm

	4.2 - Các loại mạch theo thứ tự giảm dần diện tích cắt ngang Mao mạch -> Tĩnh mạch -> Động mạch - các loại mạch theo thứ tự giảm dần vận tốc máu Động mạch -> Tĩnh mạch -> Mao mạch			0,25 điểm 0,25 điểm
5	Đặc điểm	Hệ tuần hoàn đơn	Hệ tuần hoàn kép	Mỗi ô đúng được 0,25 điểm
	Đường di chuyển của máu	Tim → Động mạch mang → Mao mạch mang → Tĩnh mạch mang → Tĩnh mạch chủ → Tim.	TTP → ĐM phổi → MM phổi → TM phổi → TNT → TTT → ĐMC → MM → TMC → TNP -> TTP	
	Áp lực của máu	Thấp	Cao	
6	- Đại thực bào và tế bào mast tiết phân tử tín hiệu kích thích dẫn thành mao mạch - Bạch cầu trung tính và protein kháng bệnh từ mạch máu đến chỗ vết thương để tiêu diệt tác nhân gây bệnh.			0.5 điểm 0,5 điểm
7	- Tổn thương đến lớp cơ thành mạch máu và cơ tim làm giảm đường kính mạch máu, giảm khả năng co bóp của tim từ đó gây tăng huyết áp, bệnh cơ tim rối loạn nhịp tim, tăng nguy cơ đột quỵ.			0,5 điểm
	- Giảm các chức năng của não bộ trung tâm, tăng hưng phấn, thiếu kiềm chế, rối loạn điều chỉnh phối hợp động tác, động tác không nhất quán, từ đó ảnh hưởng đến kiểm soát tốc độ, duy trì hướng, phản xạ phanh,... trong khi điều khiển phương tiện giao thông			0,5 điểm

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HK1 – MÔN SINH HỌC – KHỐI 11 (TỔ HỢP XÃ HỘI) – MÃ ĐỀ 115

PHẦN A. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	A	C	A	B	D	C	B	A	C	C	A

PHẦN B. TỰ LUẬN

Câu hỏi	Đáp án	Thang điểm												
Câu 1	- Theo độ tuổi: + Nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng tăng dần đến tuổi trưởng thành (15 – 19 tuổi) do ở độ tuổi này cần nhiều năng lượng và nguyên liệu cho hoạt động sinh trưởng và phát triển thể chất mạnh mẽ. + Ngược lại, khi tuổi về già, quá trình sinh trưởng và phát triển giảm dần nên nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng giảm dần. - Theo giới tính: + Nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng ở nam thường cao hơn ở nữ. + Giải thích: Nam giới thường có quá trình sinh trưởng và phát triển thể chất mạnh mẽ hơn, hoạt động thể lực cao hơn,... nên cần nhiều năng lượng và nguyên liệu cho hoạt động sống hơn.	0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm												
Câu 2	a. Sai b. Đúng c. Đúng d. Đúng	Mỗi ý 0.25 điểm												
Câu 3	- Viêm phế quản là bệnh thuộc hệ hô hấp. - Các biện pháp phòng bệnh viêm phế quản cho trẻ nhỏ: + Giữ ấm cơ thể bé, đặc biệt là khi thời tiết lạnh giá và thời điểm giao mùa; + Giữ bé tránh xa các tác nhân gây dị ứng như bụi bẩn, phấn hoa, lông chó mèo,...; + Giữ môi trường luôn sạch sẽ và thoáng mát; + Xây dựng một chế độ ăn uống đủ chất dinh dưỡng để nâng cao sức khỏe của trẻ; + Cách ly trẻ với người đang mắc các bệnh ở đường hô hấp; + Hạn chế cho bé tiếp xúc với khói thuốc lá, môi trường ô nhiễm hoặc ẩm mốc; + Tiêm vắc-xin đầy đủ phòng các bệnh về đường hô hấp cho trẻ; + Kiểm tra sức khỏe trẻ định kỳ để phát hiện bệnh kịp thời (nếu có).	0.25 điểm Kể được tối thiểu 3 biện pháp (mỗi biện pháp 0.25 điểm)												
Câu 4	<table border="1"> <thead> <tr> <th><i>Đặc điểm</i></th><th><i>Hệ tuần hoàn đơn</i></th><th><i>Hệ tuần hoàn kép</i></th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Số vòng tuần hoàn</td><td>1</td><td>2</td></tr> <tr> <td>Đại diện</td><td>Lớp Cá.</td><td>Lớp Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú.</td></tr> <tr> <td>Số ngăn tim</td><td>2 ngăn: 1 TN, 1 TT.</td><td>3 ngăn (2 TN, 1 TT) hoặc 4 ngăn.</td></tr> </tbody> </table>	<i>Đặc điểm</i>	<i>Hệ tuần hoàn đơn</i>	<i>Hệ tuần hoàn kép</i>	Số vòng tuần hoàn	1	2	Đại diện	Lớp Cá.	Lớp Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú.	Số ngăn tim	2 ngăn: 1 TN, 1 TT.	3 ngăn (2 TN, 1 TT) hoặc 4 ngăn.	Mỗi đặc điểm so sánh đúng được 0.25 điểm
<i>Đặc điểm</i>	<i>Hệ tuần hoàn đơn</i>	<i>Hệ tuần hoàn kép</i>												
Số vòng tuần hoàn	1	2												
Đại diện	Lớp Cá.	Lớp Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú.												
Số ngăn tim	2 ngăn: 1 TN, 1 TT.	3 ngăn (2 TN, 1 TT) hoặc 4 ngăn.												

[illegible]

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HK1 – MÔN SINH HỌC – KHỐI 11 (TỔ HỢP XÃ HỘI) – MÃ ĐỀ 116

PHẦN A. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	A	D	C	B	B	A	A	C	A	C	A

PHẦN B. TỰ LUẬN

Câu hỏi	Đáp án	Thang điểm						
Câu 1	- Theo tình trạng mang thai: + Nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng ở phụ nữ mang thai cao hơn phụ nữ không mang thai. + Giải thích: để vừa cung cấp cho cơ thể mẹ vừa cung cấp cho thai nhi phát triển khỏe mạnh. - Theo hoạt động thể lực: + Người hoạt động thể lực nhẹ có nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng thấp hơn người hoạt động thể lực trung bình và người hoạt động thể lực nặng. + Giải thích: Người hoạt động thể lực nặng tiêu hao nhiều năng lượng cho các hoạt động làm việc ở cường độ cao nên nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng ở những người này cao hơn.	0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm						
Câu 2	a. Đúng b. Đúng c. Đúng d. Sai	Mỗi ý 0.25 điểm						
Câu 3	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính là bệnh thuộc hệ hô hấp. Biện pháp phòng bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính: + Tránh hút thuốc (thuốc lá, thuốc lào) + Tránh tiếp xúc với môi trường ô nhiễm: Bụi bẩn, phấn hoa, lông thú, khói nhiên liệu... + Khi thời tiết trở lạnh, trở gió, hãy che miệng, mũi cẩn thận khi ra ngoài. + Duy trì luyện tập các bộ môn thể thao như đạp xe, đi bộ... ở mức độ trung bình từ 30-60 phút/ngày, tùy theo khả năng. + Chế độ ăn cần đủ chất dinh dưỡng và bổ sung thêm nước hoa quả, trái cây, rau xanh.	0.25 điểm Kể được tối thiểu 3 biện pháp (mỗi biện pháp 0.25 điểm)						
Câu 4	<table border="1"> <tr> <th><i>Đặc điểm</i></th><th><i>Hệ tuần hoàn hở</i></th><th><i>Hệ tuần hoàn kín</i></th></tr> <tr> <td>Thành phần cấu tạo</td><td>Tim, động mạch, tĩnh mạch.</td><td>Tim, động mạch, mao mạch, tĩnh mạch.</td></tr> </table>	<i>Đặc điểm</i>	<i>Hệ tuần hoàn hở</i>	<i>Hệ tuần hoàn kín</i>	Thành phần cấu tạo	Tim, động mạch, tĩnh mạch.	Tim, động mạch, mao mạch, tĩnh mạch.	0.25 điểm
<i>Đặc điểm</i>	<i>Hệ tuần hoàn hở</i>	<i>Hệ tuần hoàn kín</i>						
Thành phần cấu tạo	Tim, động mạch, tĩnh mạch.	Tim, động mạch, mao mạch, tĩnh mạch.						

	Đặc điểm của dịch tuần hoàn - Máu được trộn lẫn với dịch mô tạo thành hỗn hợp máu và dịch mô. - Máu tiếp xúc và trao đổi chất trực tiếp với các tế bào, sau đó trở về tim.	- Máu được tim bơm đi lưu thông liên tục trong mạch kín, từ động mạch qua mao mạch, đến tĩnh mạch, sau đó về tim. - Máu trao đổi chất với tế bào thông qua thành mao mạch.	0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm
Câu 5	- Hoạt động hệ dẫn truyền tim: Cứ sau một khoảng thời gian nhất định nút xoang nhĩ tự phát xung điện → cơ tâm nhĩ (làm tâm nhĩ co) → nút nhĩ thất → bó His → mạng Purkinje → cơ tâm thất (tâm thất co). - Ý nghĩa: giúp tim đập tự động → cung cấp đủ ô xi và dưỡng chất cho cơ thể ngay cả khi ngủ		0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm
Câu 6	Nguyên nhân: thói quen ăn mặn (nhiều muối), hút thuốc lá, uống rượu bia nhiều, dư cân hoặc béo phì, ít vận động thể lực, có nhiều căng thẳng, áp lực trong cuộc sống. Biện pháp phòng ngừa - Giảm lượng muối ăn vào, giảm ăn thịt mỡ, thức ăn đóng hộp, thức ăn nhanh - Tập thể dục ít nhất 30 phút mỗi ngày vào hầu hết các ngày trong tuần, tăng cường vận động thể lực, chơi thể thao. Việc tập luyện thể dục giúp giảm huyết áp, giảm cân hoặc giữ cho bạn cân nặng phù hợp, và giảm stress - Kiểm soát cân nặng, giảm cân nếu dư cân - Hạn chế uống rượu bia - Không hút thuốc lá và tránh khói thuốc - Cân bằng cuộc sống, tránh căng thẳng - Khám sức khỏe định kỳ để phát hiện sớm những mối nguy cơ có thể điều chỉnh được		Kể được tối thiểu 2 nguyên nhân (mỗi nguyên nhân 0.25 điểm) Kể được tối thiểu 2 biện pháp (mỗi biện pháp 0.25 điểm)
Câu 7	- MD dịch thể: có sự tham gia của kháng thể IgG từ tế bào lympho B (trong máu, sữa, dịch bạch huyết); phản ứng đặc hiệu với kháng nguyên. - MD tế bào: có sự tham gia của tế bào T độc tiết protein độc để làm tan TB nhiễm hoặc virus.		0.5 điểm 0.5 điểm

DÁP ÁN ĐỀ THI HK1 – MÔN SINH HỌC – KHỐI 11 (HÒA NHẬP) – MÃ ĐỀ 117

PHẦN A. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	A	A	D	B	C						

PHẦN B. TỰ LUẬN

Câu hỏi	Đáp án	Thang điểm															
Câu 1	- Theo độ tuổi: + Nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng tăng dần đến tuổi trưởng thành (15 – 19 tuổi) do ở độ tuổi này cần nhiều năng lượng và nguyên liệu cho hoạt động sinh trưởng và phát triển thể chất mạnh mẽ. + Ngược lại, khi tuổi về già, quá trình sinh trưởng và phát triển giảm dần nên nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng giảm dần. - Theo hoạt động thể lực: + Người hoạt động thể lực nhẹ có nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng thấp hơn người hoạt động thể lực trung bình và người hoạt động thể lực nặng. + Giải thích: Người hoạt động thể lực nặng tiêu hao nhiều năng lượng cho các hoạt động làm việc ở cường độ cao nên nhu cầu năng lượng và các chất dinh dưỡng ở những người này cao hơn	0.5 điểm 0.5 điểm 0.5 điểm 0.5 điểm															
Câu 2	a. Đúng b. Đúng c. Sai d. Đúng	Mỗi ý 0.5 điểm															
Câu 3	<table border="1"> <thead> <tr> <th><i>Đặc điểm</i></th><th><i>Hệ tuần hoàn đơn</i></th><th><i>Hệ tuần hoàn kép</i></th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Số vòng tuần hoàn</td><td>1</td><td>2</td></tr> <tr> <td>Đại diện</td><td>Lớp Cá.</td><td>Lớp Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú.</td></tr> <tr> <td>Số ngăn tim</td><td>2 ngăn: 1 TN, 1 TT.</td><td>3 ngăn (2 TN, 1 TT) hoặc 4 ngăn.</td></tr> <tr> <td>Máu đi nuôi cơ thể</td><td>Đỏ tươi.</td><td>Máu pha hoặc máu đỏ tươi.</td></tr> </tbody> </table>	<i>Đặc điểm</i>	<i>Hệ tuần hoàn đơn</i>	<i>Hệ tuần hoàn kép</i>	Số vòng tuần hoàn	1	2	Đại diện	Lớp Cá.	Lớp Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú.	Số ngăn tim	2 ngăn: 1 TN, 1 TT.	3 ngăn (2 TN, 1 TT) hoặc 4 ngăn.	Máu đi nuôi cơ thể	Đỏ tươi.	Máu pha hoặc máu đỏ tươi.	Mỗi ô đúng được 0.25 điểm
<i>Đặc điểm</i>	<i>Hệ tuần hoàn đơn</i>	<i>Hệ tuần hoàn kép</i>															
Số vòng tuần hoàn	1	2															
Đại diện	Lớp Cá.	Lớp Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú.															
Số ngăn tim	2 ngăn: 1 TN, 1 TT.	3 ngăn (2 TN, 1 TT) hoặc 4 ngăn.															
Máu đi nuôi cơ thể	Đỏ tươi.	Máu pha hoặc máu đỏ tươi.															
Câu 4	- Hoạt động hệ dẫn truyền tim: Cứ sau một khoảng thời gian nhất định nút xoang nhĩ tự phát xung điện → cơ tâm nhĩ (làm tâm nhĩ co) → nút nhĩ thất → bó His → mạng Purkinje → cơ tâm thất (tâm thất co). - Ý nghĩa: giúp tim đập tự động → cung cấp đủ ô xi và dưỡng chất cho cơ thể ngay cả khi ngủ	0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm															